



## PHÂN BIỆT TỪ LÁY VỚI NGỮ LÁY TRONG TIẾNG VIỆT

ĐÀO THANH LAN \*

**Tóm tắt:** Từ láy và ngữ láy đều được hình thành theo phương thức láy. Trước đây, Nguyễn Tài Cẩn và một số tác giả khác cho chúng đều là từ láy. Chúng tôi tán thành quan điểm trong sách *Ngữ pháp tiếng Việt* của Ủy ban Khoa học xã hội năm 1983 phân biệt từ láy kiểu *đen đui*, *đen đúa* với dạng láy kiểu *nhà nhà*, *người người* nhưng không dùng thuật ngữ dạng láy mà thay bằng thuật ngữ ngữ láy. Bài viết phân tích sự khác biệt giữa từ láy và ngữ láy dựa vào ý nghĩa và sự cấu tạo của chúng để thấy sự tách biệt chúng là cần thiết khi làm từ điển giải thích tiếng Việt.

**Từ khóa:** Từ láy, ngữ láy, phương thức láy, ý nghĩa.

**Abstract:** Both of reduplicatives and reduplicative phrases are formed by reduplications. Previously, Nguyễn Tài Cẩn and other authors all considered them as reduplicatives. I support the opinion said in “Vietnamese grammar” book by The Vietnam Committee of Social Sciences in 1983 that the authors parsed reduplicatives “Từ láy” such as “đen đui” (unlucky), “đen đúa” (blackened) with reduplicative forms “dạng láy” such as “nhà nhà” (every family), “người người” (everybody), however, the authors had not used the term “dạng láy” (reduplicative form) but the term “ngữ láy” (reduplicative phrase). This article analyzes the differences between reduplicatives and reduplicative Phrases based on the meaning and the

formation to show that it is necessary to distinguish them to compile Vietnamese dictionaries.

**Keywords:** Reduplicative, reduplicative phrase, reduplications, meaning

### 1. Đặt vấn đề

Từ láy và ngữ láy đều được hình thành theo phương thức láy. Trước đây, Nguyễn Tài Cẩn [1] và một số tác giả khác cho chúng đều là từ láy. Một vài ví dụ được dẫn trong sách *Dẫn luận ngôn ngữ* [3] như *người người*, *nhà nhà* dùng để minh họa cho phương thức ngữ pháp lập từ để biểu thị ý nghĩa số nhiều theo kiểu phân tích tính đối lập với *người*, *nhà* cũng không được đề cập sâu hơn. Tôi tán thành quan điểm trong sách *Ngữ pháp tiếng Việt* của Ủy ban Khoa học xã hội năm 1983 [4] phân biệt từ láy kiểu *đen đui*, *đen đúa* với dạng láy kiểu *nhà nhà*, *người người* nhưng không dùng thuật ngữ dạng láy mà thay bằng thuật ngữ ngữ láy bởi vì tên gọi dạng láy khiến người ta liên tưởng đến loại hình ngôn ngữ biến hình ở châu Âu và có thể nghĩ rằng nó là một kiểu biến dạng của từ láy. Việc phân biệt từ láy với ngữ láy vừa góp phần cập nhật tri thức Việt

\* PGS.TS - Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ngữ vừa giúp cho những người làm từ điển có cơ sở để lựa chọn đúng từ láy đưa vào từ điển giải thích, bớt đi số lượng lớn các ngữ láy được tạo thành theo quy tắc ngữ pháp. Đó là mục đích của bài viết này.

## 2. Phương thức láy

Phương thức láy là một trong 4 phương thức ngữ pháp của ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập; cũng như phương thức ghép, nó được dùng để cấu tạo từ phức và ngữ. Từ phức (phức tạp) đối lập với từ đơn (đơn giản). Từ đơn chỉ có một tiếng (một hình tiết) có nghĩa. Từ phức gồm hai tiếng (hai hình tiết) hoặc ba, bốn, năm tiếng trong đó các tiếng hoặc có quan hệ ý nghĩa gọi là từ ghép (vd: *đất nước, máy bay*) hoặc có quan hệ ngữ âm gọi là từ láy (vd: *đất đai*) hoặc có quan hệ ngẫu nhiên gọi là từ ngẫu hợp (vd: *mặc cả*). Ngữ là tổ hợp các từ theo quan hệ ngữ pháp đẳng lập (ngữ đẳng lập) hoặc quan hệ chính phụ (ngữ chính phụ). Phương thức láy là phương thức trên cơ sở tiếng gốc (từ đơn), tạo ra tiếng thứ hai, thứ ba có quan hệ ngữ âm lặp/láy lại tiếng thứ nhất hoặc một phần của tiếng thứ nhất để cả tổ hợp có một nghĩa mới, khác hơn nghĩa của tiếng gốc. Chẳng hạn, so sánh từ *đen* với *đen đen, đen đúa, đen đui* ta thấy 3 tổ hợp sau được tạo thành theo phương thức lặp/láy lại tiếng gốc. Trong đó, tổ hợp *đen đen* láy lại hoàn toàn, hai tổ hợp sau thì tiếng thứ hai chỉ láy phần âm đầu/phụ âm đầu của tiếng thứ nhất.

Ở đây, cần giải thích thuật ngữ *lặp/láy*. Các từ *lặp, lấp, lấp láy, láy* có nghĩa gần giống nhau. Từ *lặp* và *lấp* đều chỉ sự lặp lại khi phát âm lần sau giống như lần trước. Nhưng từ *lấp* thường dùng để chỉ sự lặp lại do bệnh lý (bệnh nói lấp) hoặc do trạng thái tâm lý bất thường tạo ra (quá xúc động). Nhiều nhà Việt ngữ học dùng từ *lấp* để gọi tên một phương thức ngữ pháp phân tích tính phương thức lặp (xem [3]). Nguyễn Tài Căn

trong [1] thì dùng thuật ngữ *láy* khi gọi *từ láy* (từ nhiều tiếng có quan hệ ngữ âm giống nhau hoàn toàn hoặc bộ phận) để phân biệt với từ ghép nghĩa. Hồ Lê [2] gọi là *từ lấp láy* (dùng thuật ngữ *lấp láy*). Sách *Ngữ pháp tiếng Việt* của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam [4] thì dùng thuật ngữ *láy* để gọi từ láy và dạng láy. Như thế, thuật ngữ *láy, lấp láy* được dùng để gọi tên một loại tổ hợp tiếng có quan hệ ngữ âm gồm hình thức láy hoàn toàn và láy bộ phận. Tôi chủ trương dùng thuật ngữ *láy* để gọi tên phương thức tạo ra tổ hợp tiếng có quan hệ ngữ âm giống nhau hoàn toàn hay bộ phận và kết quả do phương thức đó tạo thành như [1]. Còn thuật ngữ *lấp* dùng để chỉ hiện tượng lặp lại thuần túy một từ nào đó trong lời nói có thể gây ra hiệu quả nhấn mạnh nhưng không làm thay đổi tính chất của từ. Chẳng hạn, khi nói: *Không, không, tôi không uống được rượu*, thì từ *không* được lặp lại.

Phương thức láy dựa trên quy tắc láy như sau: Âm tiết tiếng Việt gồm phần âm đoạn tính là phụ âm đầu và vần, và phần siêu âm đoạn tính là thanh điệu. Phần âm đoạn tính lại gồm hai bộ phận: âm đầu do phụ âm đảm nhiệm và phần vần gồm âm chính, âm đệm (/w/) và âm cuối đảm nhiệm. Ví dụ, từ *ngượng* có thanh nặng, âm đầu *ng* và phần vần là *uong*. Láy hoàn toàn là lặp lại chính âm tiết đó. Ví dụ: *ngượng ngượng*. Láy bộ phận là hoặc lặp âm đầu hoặc lặp phần vần. Ví dụ láy âm đầu: *ngượng ngừng, ngượng nghịu*, láy vần: *lừa thua (thua là tiếng gốc)*. Phần thanh điệu của hai tiếng có quan hệ láy âm với nhau tuân theo quy luật là phải cùng âm vực, hoặc cùng âm vực cao, hoặc cùng âm vực thấp. Có thể có ngoại lệ nhưng rất hiếm. Sáu thanh của tiếng Việt cổ được phân bố theo âm vực như sau:

Âm vực	Thanh điệu		
Cao	Thanh “ngang” (0 dấu)	thanh “sắc” (/)	thanh “hỏi” (?)
Thấp	Thanh “huyền” (˘)	thanh “ngã” (˜)	thanh “nặng” (ˆ)

(Ghi chú: Ở tiếng Việt hiện đại, thanh ngã thuộc âm vực cao, thanh hỏi thuộc âm vực thấp).

Ví dụ: Các tiếng láy có thanh điệu cùng âm vực cao: *ngây ngất, ngất ngưỡng, xúng xính, xông xáo, lo lắng, thoăn thoắt, thất thểu, đồng đành, ngơ ngác, vun vút, véo von,...*

Các tiếng láy có thanh điệu cùng âm vực thấp: *vật vã, thập thồm, bập bùng, phập phồng, rộn ràng, rộn rã, nhõng nhẽo, lòng vòng, hậm hực, dày dạn, nhập nhèm, kềm nhèm, lươn lẹo, xiên xẹo,...*

Theo quan niệm của Nguyễn Tài Cẩn [1], tất cả những tổ hợp tiếng được hình thành theo phương thức láy như trên đều là từ láy, nên có từ láy đôi/song tiết (ví dụ: *vội vàng*), từ láy ba (ví dụ: *sạch sành sanh, khét khèn khẹt*), từ láy tư (ví dụ: *hí ha hí hửng, lục cục lao xao*). Sách của Ủy ban Khoa học xã hội [4] thì phân biệt ra hai loại là từ láy (*vội vàng*) và dạng láy (*vội vội vàng vàng*) và quan niệm dạng láy lớn hơn từ láy. Tôi tán thành việc phân biệt này và gọi dạng láy là ngữ láy với cách hiểu: ngữ là tổ hợp từ được tạo thành bằng phương thức láy.

**3. Phân biệt từ láy với ngữ láy**

Việc phân biệt từ láy với ngữ láy được dựa trên cơ sở ý nghĩa và phương thức cấu tạo.

Quy tắc láy dựa trên cơ sở từ gốc là từ đơn và từ phức. Trường hợp từ gốc là từ đơn tức là có hình thức là một tiếng. Theo quy tắc láy hoàn toàn và láy bộ phận ta có hai kiểu tổ hợp láy. Trước hết, xét ý nghĩa của các tổ hợp láy hoàn toàn và so sánh nó với từ đơn tương ứng:

Từ đơn là tính từ	Tổ hợp láy hoàn toàn	Ý nghĩa của tổ hợp
đen	đen đen	Chỉ mức độ giảm hơn nghĩa của từ đơn, tương đương với nghĩa của ngữ: <i>hơi đen/tương đối đen, hơi hồng/tương đối hồng,...</i> (là nghĩa tuân theo quy tắc)
hồng	hồng hồng	
trắng	trắng trắng, trắng trắng	
đỏ	đỏ đỏ, đỏ đỏ	
đẹp	đẹp đẹp, đềm đẹp	
khác	khác khác, khang khác	
nặng	nặng nặng, nằng nặng	

Thanh điệu tiếng Việt, nếu xét về đường nét, lại chia thành hai loại, loại thanh điệu có đường nét bằng phẳng (dễ phát âm) gồm thanh ngang, thanh huyền (thanh 1, thanh 2) gọi là *thanh bằng*. Loại thanh điệu có đường nét không bằng phẳng, có thể gấp khúc (khó phát âm) gồm bốn thanh còn lại: thanh sắc/thanh 3, thanh hỏi/thanh 4, thanh ngã/thanh 5, thanh nặng/thanh 6 gọi là *thanh trắc*.

Tổ hợp láy hoàn toàn của các tiếng gốc có thanh điệu không phải là thanh bằng đều có hai biến thể láy: Một biến thể là lặp hoàn toàn, Một biến thể có sự biến thanh (*trắng trắng, đỏ đỏ, nằng nằng*) hoặc vừa biến thanh vừa biến vần (*đẹp đẹp, khang khác*). Có thể giải thích quy luật này như sau: do các thanh trắc khó phát âm hơn thanh bằng nên khi lặp lại hoàn toàn thì càng khó phát âm. Vì thế, có sự biến thanh ở âm tiết đứng trước thành thanh bằng cùng âm vực để dễ phát âm. Đây là quy luật dị hóa của ngữ âm. Mặt khác, âm cuối của tiếng Việt chỉ chấp nhận hai thanh điệu: sắc/thanh 3 và nặng/thanh 6 cho nên khi âm tiết đầu biến về thanh bằng sẽ kéo theo sự biến vần: vần mới sẽ có âm cuối có cùng phương thức cấu âm với âm cuối ở vần cũ mà có thể phối âm với thanh bằng, ví dụ âm /p/ chuyển thành /m/, âm /k/ (chữ c) chuyển thành /ng/. Như vậy các biến thể này vẫn thuộc kiểu láy hoàn toàn.

Bảng so sánh phía trên cho thấy, ý nghĩa của tổ hợp láy đôi của vị từ tính chất biểu thị mức độ tính chất giảm hơn tính chất do từ đơn biểu thị. Nếu lấy lại từ gốc hai lần tạo thành tổ

hợp láy ba như: *tí thành tí tí tí, nhũn -> nhũn nhũn nhũn, sạch -> sạch sành sanh, nhót -> nhót nhòn nhọt, khét -> khét khèn khẹt* thì các tổ hợp láy ba đều biểu thị nghĩa chỉ mức độ tính chất tăng hơn tính chất

do từ đơn biểu thị, tương đương với nghĩa của các ngữ: *rất ít/vô cùng ít, rất nhũn/vô cùng nhũn, rất sạch/vô cùng sạch, rất khét/vô cùng khét*. Đây là những ý nghĩa ngữ pháp (nghĩa có tính quy luật, chung cho hàng loạt tổ hợp) được biểu thị bằng phương thức láy. Cho nên, các tổ hợp láy hoàn toàn (láy đôi, láy ba) có chức năng giống như ngữ, chúng tôi gọi là *ngữ láy*. (Ghi chú: Nguyễn Tài Cẩn trong [1] coi tổ hợp láy ba được tạo thành từ kiểu láy đôi. Chẳng hạn; *khít khìn khịt* được tạo thành từ các kiểu láy đôi *khin khít* (hoi khít) và *khít khịt* (rất khít). Giả thuyết này khó thuyết phục vì không dựa trên cơ sở tiếng gốc/hình tiết gốc).

Ta có thể tiếp tục chứng minh nhận định trên với các từ thuộc tiểu từ loại khác. Chẳng hạn, vị từ trạng thái khi được láy hoàn toàn có nghĩa chỉ mức độ giảm giống như vị từ tính chất: *vui -> vui vui, buồn -> buồn buồn, yêu -> yêu yêu, nhớ -> nhớ nhớ, thích -> thích thích,...* Còn các từ tượng thanh (miêu tả âm thanh, tiếng động) như *bốp, chát, xoảng, bịch* khi láy hoàn toàn thì diễn tả tính chất lặp lại, tính chất liên tục của âm thanh, tiếng động: *bôm bốp, chan chát, xoang xoảng, bình bịch*. Tổ hợp láy hoàn toàn kiểu này kết hợp với vị từ hành động tạo ra ý nghĩa hành động liên tục, chưa kết thúc để đối lập với dạng đơn trở hành động đã kết thúc. Ví dụ: so sánh *tát bôm bốp vào mặt* với *tát bốp một cái vào mặt*; *tiếng búa đập chan chát khiến Tâm nhức óc* và *tiếng búa đập đánh chát một cái làm Tâm giật mình*. Danh từ khi được láy lại hoàn toàn thì biểu thị ý nghĩa số nhiều đối lập với ý nghĩa của danh từ đơn. Ví dụ: *nhà nhà, người người, ngành ngành, tháng tháng, năm năm, đời đời, kiếp kiếp, bướm bướm,...* so với ý nghĩa của *nhà, người, ngành, tháng, năm, đời, kiếp, bướm,...* thì ngữ láy có thêm nghĩa số lượng nhiều, tức là tương ứng với dạng thức biểu nghĩa ngữ pháp số nhiều của ngôn ngữ biến hình Ấn - Âu.

Lưu ý: Riêng danh từ có ngoại lệ là có tổ hợp láy hoàn toàn là từ phức (từ láy) chứ không phải ngữ láy như tính từ, động từ và từ tượng thanh, tượng hình. Mẹo để nhận diện tổ hợp danh từ láy hoàn toàn là từ láy khi từ đó có nghĩa quy chiếu khác với từ đơn tương ứng, tức là khác về nghĩa từ vựng. Ví dụ: *chuồn chuồn* gọi tên một loại sinh vật nhỏ biết bay, có bốn cánh giang thẳng, còn từ đơn *chuồn* lại gọi tên hành động bỏ trốn (ví dụ: *Ba mươi sáu chước, chước chuồn là hơn* - Truyện Kiều); *chôm chôm* gọi tên một loại quả gần giống quả vải, thường có ở Nam bộ, còn từ *chôm/chôm chia* lại gọi tên hành động ăn cắp.

Đối với ngữ láy đôi có hình thức biến thanh biến vận khiến mọi người dễ lầm tưởng chúng không thuộc loại láy hoàn toàn mà thuộc loại láy bộ phận thì ta cũng có dấu hiệu hình thức để phân biệt. Do quy luật biến thanh, biến vận xảy ra ở âm tiết đứng trước nên tiếng bảo toàn hình thức của từ gốc sẽ đứng sau, trong khi đó, ở từ láy bộ phận, đa phần tiếng gốc đứng đầu, còn ngữ láy đôi thường có tiếng gốc đứng sau. Mặt khác, quy tắc ấy cho phép có biến thể láy hoàn toàn tồn tại song song. Biến thể này góp phần giúp ta nhận ra ngữ láy biến thanh, biến vận.

Trường hợp từ gốc là từ song tiết/hai tiếng kiểu *đi lại, ra vào, lên xuống, mua bán, xuất nhập,...* (từ ghép), *nhắm nhẩn, hì hục, hùng hổ, thậm thụt, thì thào,...* (từ láy) nếu được láy lại sẽ tạo thành tổ hợp láy tư. Có bốn quy tắc, tạo ra bốn kiểu tổ hợp láy tư như sau:

Quy tắc 1: tách từ gốc ra từng tiếng rồi láy lại âm đầu tiếng thứ nhất với vận a hoặc ơ có thanh ngang hoặc thanh bằng, rồi lặp lại hoàn toàn từ gốc. Ví dụ: *nhắm nhẩn -> nhắm nha nhắm nhẩn, hì hục -> hì hà hì hục, thậm thụt -> thậm thà thậm thụt, thì thào -> thì thà thì thào, hót hải -> hót hơ/ha hót hải, vất vương -> vất vơ/va vất vương*.

Quy tắc 2: lặp lại hai lần từ lấy đôi cơ sở rồi biến đổi thanh điệu theo quy luật: 2 âm tiết đầu có cùng thanh điệu thuộc âm vực cao, giống nhau và 2 âm tiết sau có cùng thanh điệu thuộc âm vực thấp, giống nhau. Ví dụ: *lảm nhảm* -> *lảm nhảm làm nhảm*, *tần ngần* -> *tần ngần tần ngần*, *loạng choạng* -> *loạng choạng loạng choạng*.

Quy tắc 3: tách đôi từ gốc ra rồi lặp lại hoàn toàn từng tiếng một. Ví dụ: *đi lại* -> *đi đi lại lại*, *ra vào* -> *ra ra vào vào*, *mua bán* -> *mua mua bán bán*, *xuất nhập* -> *xuất xuất nhập nhập*, *hùng hổ* -> *hùng hùng hổ hổ*, *ngơ ngác* -> *ngơ ngơ ngác ngác*.

Quy tắc 4: tách đôi từ gốc, tiếng hai và bốn lấy lại tiếng một và ba theo kiểu lấy vần, âm đầu của tiếng hai và bốn giống nhau nhưng được thay đổi khác với tiếng một và ba, tức là âm tiết lấy vần với tiếng gốc được thêm vào phía sau tiếng gốc, ví dụ: *xơ xác* -> *xơ rơ xác rác*. Hoặc âm tiết lấy vần với tiếng gốc được thêm vào trước tiếng gốc, ví dụ: *thơ thần* -> *lơ thơ lẩn thẩn*, *nhòm nhòm* -> *lòm nhòm loàm nhòm*,...

Về mặt ý nghĩa, so sánh từ gốc với tổ hợp lấy từ:

Từ gốc	Tổ hợp lấy từ	Ý nghĩa của tổ hợp
đi lại	đi đi lại lại	Nhấn mạnh hoạt động, tính chất hơn so với nghĩa của từ gốc, tương đương với nghĩa của ngữ: <i>đi lại nhiều lần/đi lại liên tục</i> ,... (nghĩa có tính quy tắc)
lên xuống	lên lên xuống xuống	
mua bán	mua mua bán bán	
thì thào	thì thà thì thào	
thậm thụt	thậm thà thậm thụt	
hùng hổ	hùng hùng hổ hổ	
ngơ ngác	ngơ ngơ ngác ngác	

Như vậy, tổ hợp lấy từ là ngữ lấy của từ phức song tiết.

Tổ hợp lấy bộ phận có hai kiểu nhỏ là lấy âm và lấy vần. Kiểu lấy âm phổ biến hơn lấy vần vì đa số kiểu từ này có tiếng gốc (có từ đơn tương ứng). Ví dụ: *nhỏ nhắn*, *nhỏ nhẹ*, *nhỏ nhoi* đều có tiếng gốc là *nhỏ*. Nghĩa của

chúng được xây dựng trên cơ sở nghĩa của tiếng gốc nhưng có sắc thái riêng, tức là có tính chất mới về ngữ nghĩa, và mỗi tổ hợp lấy có nghĩa vừa khác biệt với từ gốc/từ đơn vừa khác biệt với các tổ hợp lấy cùng tiếng gốc còn lại. Ví dụ: *nhỏ nhắn* là nhỏ về hình dáng, *nhỏ nhẹ* là nhỏ về cách nói năng, ăn uống, *nhỏ nhoi* là nhỏ khi so sánh sự vật với không gian bao chứa nó. Nghĩa của chúng là nghĩa từ vựng, vì thế chúng là từ lấy. Các tổ hợp lấy vẫn càng khó tìm thấy tiếng gốc hơn. Ví dụ: *lúng túng*, *lúng cùn*, *chênh vênh*, *lênh khênh*, *lênh đênh*, *bùng nhùng*, *lọ mọ*, *lơ thơ* đều không có tiếng gốc. Tổ hợp có tiếng gốc không nhiều, ví dụ: *lung tung* có tiếng gốc là *tung*, (quần áo bị bới tung, quần áo bị bới lung tung), *bầy nhầy* có tiếng gốc là *nhầy*, *lừa thua* có tiếng gốc là *thua* thì nghĩa của tổ hợp lấy cũng không có tính quy tắc cho hàng loạt trường hợp lấy cùng kiểu nên nó thuộc nghĩa từ vựng, mỗi tổ hợp lấy có một nghĩa sắc thái phân biệt với nghĩa của tiếng gốc và phân biệt với nghĩa của các tổ hợp lấy bộ phận khác. Tổ hợp lấy vần cũng là từ lấy. (Lưu ý: Các tổ hợp lấy có âm tắc họng mở đầu âm tiết kiểu: *ùng ùng* trong *tiếng bom nổ ùng ùng*, *oàng oàng* trong *tiếng sấm nổ oàng oàng*, *oang oang* trong *tiếng cười nói oang oang*,... đều là lấy hoàn toàn chứ không phải lấy vần nên là ngữ lấy).

Vậy, có thể rút ra quy tắc: “Từ lấy là từ phức được hình thành theo phương thức lấy bộ phận. Ngữ lấy hình thành theo

phương thức lấy hoàn toàn đối với từ đơn hoặc theo phương thức lấy đôi với từ phức song tiết. Ngoại lệ: những danh từ lấy hoàn toàn mà có nghĩa quy chiếu khác với tiếng gốc thì là từ lấy”.

Nghĩa của từ lấy âm đầu có tính khái quát, trừu tượng hơn so với từ đơn. Nếu là danh từ thì nghĩa của từ lấy âm trở sự vật tập thể như

từ ghép đẳng lập. Chẳng hạn, so sánh *đất đai, bạn bè, khách khứa, chùa chiền,...* (từ láy âm đầu/láy âm) với *đèn đóm, tôm tép, non sông, sách vở, cô dì,...* (từ ghép đẳng lập). Nếu là vị từ hành động thì nghĩa của từ láy âm chỉ hành động khái quát, tổng hợp. So sánh *hỏi han, học hành, bảo ban,...* (từ láy âm) với *đánh đập, mua bán, thu chi,...* (từ ghép đẳng lập). Nếu là vị từ trạng thái, tính chất thì nghĩa của từ láy âm chỉ trạng thái, tính chất khái quát, tổng hợp. So sánh *buồn bã, đau đớn, vật vã, trần trọc,...* (từ láy âm) với *buồn bực, chán nản, trốn tránh,...* (từ ghép đẳng lập) thấy chúng đều có nghĩa tổng hợp. Tuy nhiên, nghĩa của từ láy có tính gợi hình do phương thức láy đem lại. Nếu như sự tri nhận nghĩa của từ ghép đẳng lập theo con đường lý tính/theo tư duy lô gích thuần túy thì sự tri nhận nghĩa của từ láy lại theo con đường cảm thụ/theo tư duy cảm tính kết hợp với lý tính.

Nghĩa của từ láy vần cũng được tri nhận trên cơ sở hài âm (hài hòa âm thanh) bằng cách cảm thụ như từ láy âm nhưng lại theo hướng cụ thể hóa, sinh động hóa. Các từ láy vần như *lênh khênh, chênh vênh, lộn xộn, lồm cồm, lổm ngổm,...* biểu nghĩa theo cách miêu tả. Người nghe tri nhận nghĩa của chúng thông qua sự tiếp nhận của thính giác về tính hài âm

mà liên tưởng đến thực tại khách quan. Đây là lý do để từ láy và ngữ láy được sử dụng nhiều ở phong cách ngôn ngữ văn học mà không sử dụng trong phong cách ngôn ngữ khoa học.

#### 4. Kết luận

Quan niệm cho tất cả các tổ hợp tiếng được tạo thành theo phương thức láy là từ láy là một quan niệm cũ do chưa có sự nghiên cứu thấu đáo trong sự so sánh từ láy với ngữ láy cũng như so sánh từ ghép với ngữ - những tổ hợp tiếng được tạo thành theo phương thức ghép. Việc phân biệt từ láy với ngữ láy trong tiếng Việt cũng cần thiết như việc phân biệt từ ghép với ngữ. Các nhà từ điển học cần lưu ý điều này khi xác lập các đầu mục và định nghĩa trong loại từ điển ngữ văn tường giải.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng - từ ghép - đảo ngữ)*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.
- [2] Hồ Lê, *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
- [3] Vũ Đức Nghiệu (Chủ biên) - Nguyễn Văn Hiệp, *Dẫn luận ngôn ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.
- [4] Ủy ban Khoa học xã hội, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.